

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

LỚP: BỔ SUNG KIẾN THỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI CAO HỌC

Kính gửi bộ môn:

TT	Giới thiệu môn học mới + Hệ thống và thi									Giảng viên lên lớp	Số điện thoại LH	Ghi chú
	Môn học	LT (tiết)	TN (tiết)	BT (tiết)	TTSX (tuần)	Thời gian thực hiện						
						Đợt 1 (từ...đến....)	Số học viên	Phòng học				
1	Quản trị học	30				17/02/17	19/02/17	31	P202_T4	Cô. Bùi Thị Minh Nguyệt	0913348584	Giảng viên chủ động bố trí thi kết thúc môn học và gửi kết quả (bảng điểm, bài thi) về phòng Đào tạo trước ngày 10/03/2017
2	Quản trị kinh doanh	30				19/02/17	21/02/17	15	P202_T4	Cô. Bùi Thị Minh Nguyệt	0913348584	
3	Xác suất thống kê	30				21/02/17	23/02/17	7	P202_T4	Cô. Nguyễn Thị Vân Hoà	0917353283	
4	Kinh tế vi mô	30				23/02/17	25/02/17	14	P202_T4	Cô. Trần Thị Tuyết	0988681102	
5	Kinh tế vĩ mô	30				25/02/17	27/02/17	15	P202_T4	Thầy. Nguyễn Văn Hợp	0912025125	
6	Quản lý Nhà nước về kinh tế	30				27/02/17	01/03/17	34	P202_T4	Cô. Nguyễn Thị Thùy	0936874301	
7	Nguyên lý thống kê	30				01/03/17	03/03/17	17	P202_T4	Cô. Võ Thị Hải Hiền	0989688915	
8	Tài chính tiền tệ	30				03/03/17	05/03/17	20	P202_T4	Cô. Đào Lan Phương	0914557438	

Ghi chú:

- Đề nghị các anh chị học viên chủ động liên hệ với Giảng viên theo số ĐT đính kèm trước thời gian học để biết kế hoạch chi tiết
- Thời gian thực hiện: buổi sáng từ 7h00'; buổi chiều từ 13h00' (có thể học vào buổi tối cho kịp tiến độ);
- Mọi ý kiến thắc mắc về lịch học trên, đề nghị liên hệ Bộ phận Kế hoạch Đào tạo (Bà Đoàn Thu Hằng - Phòng 110-Nhà A2-Điện thoại: 01686931288).

Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2017

TL. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO



Phạm Minh Toại

BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

1. DANH SÁCH THÍ SINH PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC ĐỂ ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2017 ĐỢT 1
(Kèm theo Thông báo số: 119/TB-ĐHLN-SĐH ngày 08/02/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Lâm nghiệp)

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ

TT	Họ và tên		Năm sinh	Điện thoại	Môn học bổ sung phải đóng học phí								Tổng cộng	Ghi chú
					Quản trị học	Kinh tế vi mô	Kinh tế vĩ mô	Nguyên lý thống kê	Quản lý NN về KT	Quản trị kinh doanh	Tài chính tiền tệ	Xác suất thống kê		
1	Chu Tuấn	Anh	06/10/1991	0988 875 399	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	0	360.000	0	2.160.000	
2	Nguyễn Đình	Anh	27/12/1986	0912 879 993	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	0	2.520.000	
3	Nguyễn Thị Lan	Anh	01/09/1994	0978 546 928	360.000	0	0	0	360.000	0	0	0	720.000	
4	Nguyễn Thị Thanh	Bình	28/01/1986	0986 812 626	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	0	2.520.000	
5	Hà Thị Ngọc	Dung	09/09/1976	0969 621 622	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	600.000	3.120.000	
6	Phạm Quang	Dũng	09/01/1981	0915 558 268	360.000	0	0	0	0	0	360.000	0	720.000	
7	Đỗ Thị	Hằng	10/06/1983	0983 989 103	360.000	0	0	0	360.000	0	0	0	720.000	
8	Nguyễn Đại	Huy	14/07/1988	0963 902 991	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	0	360.000	0	2.160.000	
9	Phạm Văn	Huân	12/03/1990	0988 369 062	360.000	0	0	0	360.000	0	0	0	720.000	
10	Đinh Thị	Hà	23/02/1985	0988 229 085	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	0	2.520.000	
11	Nguyễn Thị Thanh	Hải	14/06/1981	01663 137 952	0	0	0	0	360.000	0	0	0	360.000	
12	Hà Thị Mai	Hưng	20/11/1990	0979 385 163	360.000	0	0	0	360.000	360.000	360.000	600.000	2.040.000	
13	Bùi Thị Kim	Huế	28/08/1985	0945 190 606	0	0	0	0	360.000	0	0	0	360.000	
14	Trần Thị Mai	Hương	01/10/1990	0972 678 642	0	0	0	0	360.000	0	360.000	0	720.000	
15	Nguyễn Danh	Lâm	12/06/1987	0979 616 787	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	0	360.000	0	2.160.000	

Handwritten signature

TT	Họ và tên	Năm sinh	Điện thoại	Môn học bổ sung phải đóng học phí								Tổng cộng	Ghi chú
				Quản trị học	Kinh tế vi mô	Kinh tế vĩ mô	Nguyên lý thống kê	Quản lý NN về KT	Quản trị kinh doanh	Tài chính tiền tệ	Xác suất thống kê		
16	Hoàng Quý Lực	19/03/1986	0972 299 104	360.000	0	0	0	360.000	0	0	0	720.000	
17	Nguyễn Thị Hồng Nhung	13/03/1980	0915 479 222	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	600.000	3.120.000	
18	Nguyễn Hải Quân	22/12/1972	0945 536 889	360.000	0	0	0	360.000	0	0	0	720.000	
19	Nguyễn Ngọc Quyển	05/07/1982	0963 945 389	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	0	2.520.000	
20	Nguyễn Thị Thu Thủy	03/11/1981	0912 979 008	0	0	0	0	360.000	360.000	0	0	720.000	
21	Trần Thị Hồng Nhung	26/07/1992	0973235 559	360.000	0	0	0	360.000	0	0	0	720.000	
22	Nguyễn Chiến Trường	20/12/1983	0915 015 929	360.000	0	0	0	0	0	0	0	360.000	
23	Vũ Huyền Trang	24/09/1989	0966 388 686	360.000	0	0	360.000	360.000	0	0	0	1.080.000	
24	Nguyễn Hoàng Đức Thọ	13/09/1978	0977 108 822	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	600.000	3.120.000	
25	Trần Duy Sơn	26/02/1974	0915 561 794	360.000	0	0	0	360.000	360.000	360.000	0	1.440.000	
26	Cao Văn Phan	11/02/1983	0973 110 283	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	0	2.520.000	
27	Nguyễn Hữu Quỳnh	05/08/1992	0942 585 666 01669 228 155	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	600.000	3.120.000	
28	Nguyễn Mạnh Tấn	26/10/1978	0987 167 585	360.000	0	0	360.000	360.000	360.000	360.000	600.000	2.400.000	
29	Nguyễn Thị Thu Thanh	24/05/1990	0979 586 961	360.000	0	0	0	360.000	0	0	0	720.000	
30	Phạm Văn Thiện	26/08/1988	01677 875 555	360.000	0	0	0	360.000	0	0	0	720.000	
31	Trần Minh Hải	10/04/1982	01687 712 165	360.000	0	0	0	360.000	0	0	0	720.000	
32	Nguyễn Thu Thủy	02/01/1989	0967 460 588	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	600.000	3.120.000	
33	Nguyễn Thị Hồng Duyên	12/09/1990		0	0	0	0	360.000	0	0	0	360.000	

Handwritten signature

TT	Họ và tên	Năm sinh	Điện thoại	Môn học bổ sung phải đóng học phí								Tổng cộng	Ghi chú
				Quản trị học	Kinh tế vi mô	Kinh tế vĩ mô	Nguyên lý thống kê	Quản lý NN về KT	Quản trị kinh doanh	Tài chính tiền tệ	Xác suất thống kê		
34	Lê Hồng Phong	10/11/1988		360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	0	2.520.000	
35	Đinh Trung Kiên	21/11/1980		360.000	0	360.000	360.000	360.000	0	360.000	0	1.800.000	
36	Lê Thị Quỳnh	03/12/1988		360.000	0	0	0	360.000	0	0	0	720.000	
Tổng cộng:				11.160.000	5.040.000	5.400.000	6.120.000	12.240.000	5.400.000	7.200.000	4.200.000	56.760.000	

Tổng danh sách học viên học CDCH: 36 học viên

Số tiền bằng chữ: Năm sáu triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO


Phạm Minh Toai

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2017

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH


Đoàn Thu Hằng